

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban lãnh đạo	02 – 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07 – 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng chọn lọc	11 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc (gọi tắt là "Ban Lãnh đạo") Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần (10.000 đồng/cổ phần).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Năng Tuyển	Thành viên
Ông Đào Nguyên Đặng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2021)
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2021)

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021)

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Hà Nguyên	Thành viên
Ông Kiều Mạnh Hùng	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUAN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty cho rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban lãnh đạo Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban lãnh đạo xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban lãnh đạo

Theo ý kiến của Ban lãnh đạo Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUAN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2021

THAY MẶT BAN LÃNH ĐẠO
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Bình Phú

Số: 61/2021/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Ban lãnh đạo
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được lập ngày 26 tháng 08 năm 2021, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trần Thị Nguyệt

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0589-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B01a- DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.229.192.152	49.500.996.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.625.927.669	20.554.648.551
1. Tiền	111		11.625.927.669	11.904.648.551
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	8.650.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.9	5.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.814.297.003	24.576.460.512
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.136.774.876	5.333.295.448
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.265.232.035	2.850.473.930
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	7.700.000.000	7.700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	8.415.585.503	9.395.986.545
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(703.295.411)	(703.295.411)
III. Hàng tồn kho	140	5.6	-	2.469.141.330
1. Hàng tồn kho	141		-	2.469.141.330
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.788.967.480	1.900.746.059
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.548.025.189	1.115.559.540
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	544.244.228
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	240.942.291	240.942.291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		222.058.919.909	226.351.677.006
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.404.060.520	404.060.520
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	15.000.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	404.060.520	404.060.520
II. Tài sản cố định	220		63.951.318.809	78.700.579.834
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	56.596.220.895	71.340.281.901
- Nguyên giá	222		369.418.829.210	369.418.829.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(312.822.608.315)	(298.078.547.309)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.355.097.914	7.360.297.933
- Nguyên giá	228		7.511.097.914	7.511.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(156.000.000)	(150.799.981)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		613.636.364	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	613.636.364	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	132.250.000.000	132.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		82.300.000.000	82.300.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		49.950.000.000	49.950.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.839.904.216	14.997.036.652
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	9.833.467.687	14.987.841.611
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.436.529	9.195.041
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		268.288.112.061	275.852.673.458

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B01a- DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		145.918.752.748	138.443.421.164
I. Nợ ngắn hạn	310		130.387.362.893	127.544.906.309
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.426.362.197	1.731.209.003
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.034.399	85.148.599
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.998.607.786	5.797.083.647
4. Phải trả người lao động	314		811.350.734	1.322.230.993
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	27.865.951.630	27.642.022.312
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		183.991.878	259.501.587
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.631.681.776	4.011.390.345
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	85.779.318.702	86.039.256.032
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		651.063.791	657.063.791
II. Nợ dài hạn	330		15.531.389.855	10.898.514.855
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	15.531.389.855	10.898.514.855
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.369.359.313	137.409.252.294
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	122.369.359.313	137.409.252.294
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.013.831.925	33.013.831.925
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(64.054.901.860)	(49.015.008.879)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(49.015.008.879)	(11.669.862.913)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15.039.892.981)	(37.345.145.966)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		268.288.112.061	275.852.673.458

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương



Đào Nguyên Đặng



Trần Bình Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B02a- DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		20.274.768.123	36.667.849.096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	20.274.768.123	36.667.849.096
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	30.590.246.015	55.115.083.492
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(10.315.477.892)	(18.447.234.396)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.454.139.309	4.559.983.631
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.002.620.658	5.602.884.581
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.998.613.991	5.143.514.504
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.266.865.318	3.969.521.951
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.130.824.559)	(23.459.657.297)
11. Thu nhập khác	31	6.6	100.341.870	488.732.381
12. Chi phí khác	32	6.7	6.651.780	293.874.368
13. Lợi nhuận khác	40		93.690.090	194.858.013
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.8	(15.037.134.469)	(23.264.799.284)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	2.758.512	31.911.438
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15.039.892.981)	(23.296.710.722)

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương



Đào Nguyên Đặng



Trần Bình Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu số B03a - DN****(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(15.037.134.469)	(23.264.799.284)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	02		14.749.261.025	14.743.307.640
Chi phí lãi vay	04		(242.019.800)	434.072.300
	05		(1.168.435.599)	(4.348.103.667)
	06		1.998.613.991	5.143.514.504
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (Tăng)/Giảm các khoản phải thu (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	08		300.285.148	(7.292.008.507)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	09		(1.846.117.244)	2.446.928.690
	10		2.469.141.330	1.058.140.737
	11		5.096.068.000	285.182.390
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		4.721.908.275	6.179.671.295
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.000.000)	(7.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.735.285.509	2.670.114.605
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm; xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(150.000.000)	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	(7.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay; bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	7.464.151.234
6. Tiền thu lãi cho vay; cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.504.425.753	4.232.750.940
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.645.574.247)	3.996.902.174
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(11.654.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(11.654.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.910.288.738)	(4.986.983.221)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	20.554.648.551	23.589.118.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(18.432.144)	68.632.605
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	15.625.927.669	18.670.767.453

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Phương

Đào Nguyên Đặng

Trần Bình Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Mẫu số B09a- DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần (10.000 đồng/cổ phần).

Cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Mã cổ phiếu là: VFR.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: kinh doanh cảng cạn (ICD), dịch vụ môi giới hàng hải, thuê tàu và cho thuê tàu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh cảng cạn (ICD);
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Dịch vụ vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5 kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Cung cấp các dịch vụ, nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa bằng đường biển;
- Dịch vụ thuế hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Cho thuê thuyền viên;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo ủy thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 03 đơn vị trực thuộc, 04 công ty con và 4 công ty liên kết gián tiếp. Cụ thể:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Quảng Ninh	Số 51 Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng	Số 35, Đường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải phòng	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>
Công ty con đã đang hoạt động trong kỳ		
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Km24, Quốc lộ 5A, Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên	94,33%
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hải Phòng	Số 35, Đường Minh Khai, Phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hà Nội	74 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%

<u>Tên Công ty liên doanh liên kết gián tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty TNHH Heung – A Shipping Việt Nam	Số 14 Trương Quyền, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	30%
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Số 101 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP Hồ Chí Minh	20%
Công ty TNHH Hankyu – Hanshin Express Việt Nam	Phòng 1, tầng 7 tòa nhà Đào Duy Anh, Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội	49%
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	Số 29 - 31 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	25%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Không

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

4.4. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn; và
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty con liên doanh liên kết

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

Dự phòng phải thu trích lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc thì ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.8.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	04 - 05

4.8.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ

nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- | | |
|---------------------|----------------------|
| - Phần mềm quản lý | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | Không trích khấu hao |

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn của công ty là công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, phí bảo hiểm thuê tàu, tiền thuê đất và chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn của công ty là sửa chữa lớn, cấp Giấy chứng nhận tàu Thăng Long, sửa chữa lớn, cấp Giấy chứng nhận tàu Bluelotus, dự án nhà điều hành kho bãi chung chuyển khai thác hàng hóa và chi phí khác.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ không quá 3 năm.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;

4.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước, trích lập các quỹ

và chia cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật và được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

4.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.14. Doanh thu chưa thực hiện

Phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

4.15. Giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ kế toán.

4.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.18. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 0% đối với các dịch vụ vận tải quốc tế và 10% với các dịch vụ khác.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

4.19. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 7.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	42.281.243	42.731.205
Tiền gửi ngân hàng	11.583.646.426	11.861.917.346
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	8.650.000.000
Cộng	15.625.927.669	20.554.648.551

5.2. Phải thu khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	3.254.557.772	2.810.670.125
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Quốc tế ITC	770.811.582	1.468.468.292
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.111.405.522	1.054.157.031
Cộng	6.136.774.876	5.333.295.448

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long (*)	605.000.000	605.000.000
- Ban đền bù dự án (*)	200.000.000	200.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phương Anh (*)	-	525.000.000
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (*)	882.748.175	882.748.175
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	577.483.860	637.725.755
Cộng	2.265.232.035	2.850.473.930

(*) là khoản trả trước cho các nhà thầu thi công Dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

5.4. Phải thu về Cho vay ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự	Giá trị	Dự
	VND	phòng VND	VND	phòng VND
a) Ngắn hạn	7.700.000.000		7.700.000.000	
- Công ty TNHH Phát triển Du lịch Mỹ Anh (1)	7.700.000.000	-	7.700.000.000	-
b) Dài hạn	15.000.000.000			
- Công ty TNHH Phát triển Du lịch Mỹ Anh (2)	15.000.000.000	-	-	-
Cộng	22.700.000.000	-	7.700.000.000	-

(1) Theo hợp đồng số 01/2020/HĐVV/VFR-MYANH ngày 03/03/2020; số tiền cho vay ban đầu là 7.700.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tài chính. Khoản cho vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(2) Theo hợp đồng số 01/2021/HĐVV/VFR-MYANH ngày 07/06/2021; số tiền cho vay ban đầu là 15.000.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tài chính. Khoản cho vay được đảm bảo bằng tín chấp.

5.5. Phải thu khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự	Giá trị	Dự
	VND	phòng VND	VND	phòng VND
a) Các khoản phải thu khác ngắn hạn	8.415.585.503		9.395.986.545	
- Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	-	5.229.333.970	-
- Dự thu lãi tiền cho vay	905.599.999	-	511.364.383	-
- Tạm ứng	61.500.000	-	76.571.557	-
- Phải thu khác	2.219.151.534	-	3.578.716.635	-
b) Các khoản phải thu khác dài hạn	404.060.520		404.060.520	
- Ký cược, ký quỹ	347.125.000	-	347.125.000	-
- Phải thu khác	56.935.520	-	56.935.520	-
Cộng	8.819.646.023	-	9.800.047.065	-

5.6. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự	Giá gốc	Dự
	VND	phòng VND	VND	phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	-	-	2.469.141.330	-
Cộng	-	-	2.469.141.330	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a- DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5.7. Nợ Xấu

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
				Giá trị có thể thu hồi VND
				Dự phòng VND
Khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên (100%)	703.295.411	-	(703.295.411)	-
Công ty TNHH Vận tải Biển Liên Hợp	40.792.800	-	(40.792.800)	-
Công ty TNHH Hong Myung Việt Nam	10.198.200	-	(10.198.200)	-
Công ty TNHH Tiếp vận SAS Vũng Âng	414.021.020	-	(414.021.020)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Hải Bắc	214.450.000	-	(214.450.000)	-
Các công ty khác	23.833.391	-	(23.833.391)	-
Cộng	703.295.411	-	(703.295.411)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN**5.8. Chi phí trả trước**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm tàu	-	586.959.512
Tiền thuê đất	1.377.575.385	-
Chi phí khác	170.449.804	528.600.028
Cộng	1.548.025.189	1.115.559.540
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn; cấp giấy chứng nhận tàu Thăng Long	6.055.660	1.298.740.155
Sửa chữa lớn; cấp giấy chứng nhận tàu Blue Lotus	5.331.443.543	8.958.852.565
Dự án nhà điều hành kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa (*)	4.148.999.072	4.148.999.072
Chi phí khác	346.969.412	581.249.819
Cộng	9.833.467.687	14.987.841.611

(*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và ông Lương Anh Khoa về việc hợp tác đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa. Ngày 28/04/2017, UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển hàng hóa do Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thực hiện. Ngày 29/09/2017, Công ty có biên bản làm việc với Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Hạ Long và UBND tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án chi trả chi phí thực hiện dự án. Đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU
số 74 Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Số 74 Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a-DN

5.9. Đầu tư tài chính
5.9.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, lãi suất 3,6%/năm.

5.9.2. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào Công ty con	82.300.000.000	(*)	82.300.000.000	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh (1)	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng (2)	30.000.000.000	(*)	30.000.000.000	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội (3)	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên (4)	28.300.000.000	(*)	28.300.000.000	(*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	49.950.000.000	(*)	49.950.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội (5)	49.950.000.000	(*)	49.950.000.000	(*)
Cộng	132.250.000.000	(*)	132.250.000.000	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a- DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

- (1) Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh thành lập và hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh là 100%. Doanh thu của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2021 là 39.026.856.309 VND, lợi nhuận trước thuế đạt 1.479.165.494 VND.
- (2) Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng thành lập và hoạt động tại Hải Phòng với hoạt động chính là đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng là 100%. Công ty mới đi vào hoạt động, Doanh thu của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2021 là 15.410.221.372 VND, lợi nhuận trước thuế đạt 481.587.093 VND.
- (3) Công ty TNHH MTV Vietfracht HN thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động chính là hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải, chuẩn bị mặt bằng, đại lý môi giới đầu giá. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội là 100%. Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty trong kỳ 6 tháng đầu năm 2021 là 137.869.018 VND.
- (4) Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên thành lập và hoạt động tại Hưng Yên với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên là 94,33%. Doanh thu trong 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty là: 5.105.604.060 VND, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 2.226.767.772 VND.
- (5) Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn chuyên doanh. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội là 3,7%.

(*) Xem tại phần thuyết minh giá trị hợp lý tại 7.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀI

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5.10. Tài sản cố định hữu hình

Mẫu số B09a-DN

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quần lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2021	19.037.396.043	154.033.636	349.520.213.271	707.186.260	369.418.829.210
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	19.037.396.043	154.033.636	349.520.213.271	707.186.260	369.418.829.210
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2021	11.806.154.811	49.935.576	285.515.270.662	707.186.260	298.078.547.309
Khấu hao trong năm	295.060.956	11.153.364	14.437.846.686	-	14.744.061.006
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	12.101.215.767	61.088.940	299.953.117.348	707.186.260	312.822.608.315
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	7.231.241.232	104.098.060	64.004.942.609	-	71.340.281.901
Tại ngày 30/06/2021	6.936.180.276	92.944.696	49.567.095.923	-	56.596.220.895

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021: 8.983.252.052 VND (tại ngày 31/12/2020: 8.983.252.052 VND).

Giá trị còn lại của Tài sản cố định mang đi cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược tại ngày 30/06/2021: 48.728.777.081 VND (tại ngày 31/12/2020: 63.046.863.959 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

5.11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2021	7.355.097.914	156.000.000	7.511.097.914
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	7.355.097.914	156.000.000	7.511.097.914
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2021	-	150.799.981	150.799.981
Khấu hao trong năm	-	5.200.019	5.200.019
Tại ngày 30/06/2021		156.000.000	156.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	7.355.097.914	5.200.019	7.360.297.933
Tại ngày 30/06/2021	7.355.097.914	-	7.355.097.914

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021: 208.000.000 VND (tại ngày 31/12/2020: 52.000.000 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a-DN

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Promarine Law office	520.916.720	520.916.720	526.324.160	526.324.160
- Công ty Cổ phần Tập đoàn BRG	-	-	200.000.000	200.000.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	905.445.477	905.445.477	1.004.884.843	1.004.884.843
Cộng	1.426.362.197	1.426.362.197	1.731.209.003	1.731.209.003

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các loại thuế						
- Thuế Xuất nhập khẩu	20.301.526	-	-	-	20.301.526	-
- Thuế TNDN	219.812.242	-	-	-	219.812.242	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.846.065.483	658.126.485	-	2.187.938.998
- Thuế GTGT	-	37.777.031	1.006.186.368	985.289.925	-	58.673.474
- Thuế TNCN	-	462.579.354	17.618.732	24.930.034	-	455.268.052
- Các loại thuế khác	828.523	5.296.727.262	6.000.000	6.000.000	828.523	5.296.727.262
Cộng	240.942.291	5.797.083.647	3.875.870.583	1.674.346.444	240.942.291	7.998.607.786

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN**5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay dự trả	26.909.848.285	24.911.234.294
Các khoản trích trước khác	956.103.345	2.730.788.018
Cộng	27.865.951.630	27.642.022.312

5.15. Phải trả khác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.631.681.776	4.011.390.345
- Kinh phí công đoàn	43.304.293	31.809.900
- Bảo hiểm xã hội	28.638.239	27.490.739
- Bảo hiểm thất nghiệp	156.340	66.340
- Phải trả, phải nộp khác	5.509.582.904	3.902.023.366
- Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
b) Dài hạn	15.531.389.855	10.898.514.855
- Phải trả dài hạn khác	5.891.228.115	5.891.228.115
+ Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	4.230.000.000	4.230.000.000
+ Xí nghiệp Mol Phía Bắc	1.371.639.899	1.371.639.899
+ Phải trả dài hạn khác	289.588.216	289.588.216
- Nhận ký quỹ, ký cược	9.640.161.740	5.007.286.740
Cộng	21.163.071.631	14.909.905.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

5.16. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021		Trong năm		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu	50.293.941.501	50.293.941.501	-	151.945.443	50.141.996.058	50.141.996.058
Petrolimex (1)						
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu	35.745.314.531	35.745.314.531	-	107.991.887	35.637.322.644	35.637.322.644
Petrolimex (2)						
Cộng	86.039.256.032	86.039.256.032	-	259.937.330	85.779.318.702	85.779.318.702

(1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2011/HĐTDDH/PGB-HO ngày 09/06/2011 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 14.187 DWT (Tàu Blue Lotus), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(2): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2010/HĐTDDH/PGB-HO ngày 05/10/2010 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 8.934 DWT (Tàu Thăng Long), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay ngắn hạn đang trong quá trình cơ cấu lại lịch trả nợ với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a- DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5.17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	150.000.000.000	33.013.831.925	3.410.429.248	(11.607.821.385)	174.816.439.788
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	(37.345.145.966)	(37.345.145.966)
Giảm khác	-	-	-	(62.041.528)	(62.041.528)
Số dư tại ngày 01/01/2021	150.000.000.000	33.013.831.925	3.410.429.248	(49.015.008.879)	137.409.252.294
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	(15.039.892.981)	(15.039.892.981)
Số dư tại ngày 30/06/2021	150.000.000.000	33.013.831.925	3.410.429.248	(64.054.901.860)	122.369.359.313

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

5.17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn của Chủ sở hữu**

	30/06/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
Chi tiết các cổ đông				
Bà Vũ Thị Hạnh	25.038.190.000	16,69	25.038.190.000	16,69
Bà Đỗ Thị Huyền Thanh	20.865.160.000	13,91	20.865.160.000	13,91
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Du lịch Ba Đình	28.158.000.000	18,77	28.158.000.000	18,77
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hòa An	19.663.000.000	13,11	19.663.000.000	13,11
Bà Nguyễn Thị Thanh	18.778.650.000	12,52	18.778.650.000	12,52
Bà Vũ Thị Kim Thanh	15.069.000.000	10,05	15.069.000.000	10,05
Các cổ đông khác	22.428.000.000	14,95	22.428.000.000	14,95
Cộng	150.000.000.000	100	150.000.000.000	100

c) Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phần	01/01/2021 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của Doanh Nghiệp

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	33.013.831.925	33.013.831.925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.410.429.248	3.410.429.248
Cộng	36.424.261.173	36.424.261.173

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Doanh thu dịch vụ vận tải biển	15.899.920.181	33.489.400.515
- Doanh thu dịch vụ giao nhận vận tải	1.475.181.728	1.177.752.676
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.899.666.214	2.000.695.905
Cộng	20.274.768.123	36.667.849.096

6.2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Giá vốn dịch vụ vận tải biển	27.417.119.835	52.472.287.796
- Giá vốn dịch vụ giao nhận vận tải	1.838.696.681	1.594.439.114
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.334.429.499	1.048.356.582
Cộng	30.590.246.015	55.115.083.492

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.168.435.599	948.125.183
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.284.625.757
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	40.197.009	327.232.691
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	245.506.701	-
Cộng	1.454.139.309	4.559.983.631

6.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền vay	1.998.613.991	5.143.514.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	519.766	25.297.777
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.486.901	434.072.300
Cộng	2.002.620.658	5.602.884.581

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	1.619.659.691	1.545.704.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.353.383	10.399.998
Chi phí nguyên vật liệu	46.622.640	41.328.249
Thuế, phí, lệ phí	1.102.138.086	593.947.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.318.433.111	1.597.081.377
Chi phí bằng tiền khác	163.658.407	181.060.270
Cộng	4.266.865.318	3.969.521.951

6.6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Lãi do thanh lý tài sản	-	115.352.727
+ Thu từ thanh lý tài sản	-	115.352.727
+ Chi phí hoạt động thanh lý	-	-
- Các khoản khác	100.341.870	373.379.654
Cộng	100.341.870	488.732.381

6.7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Các khoản khác	6.651.780	293.874.368
Cộng	6.651.780	293.874.368

6.8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.037.134.469)	(23.264.799.284)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	504.693.619	223.415.198
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	9.373.390.568
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	9.373.390.568
- Điều chỉnh giảm do hoàn lại các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(14.532.440.850)	(32.414.774.654)
Chuyển lỗ từ những năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

6.9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.758.512	31.911.438
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.758.512	31.911.438

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.473.509.698	19.968.079.100
Chi phí nhân công	2.987.861.156	5.955.279.776
Khấu hao tài sản cố định	14.749.261.025	14.743.307.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.643.268.216	16.275.698.143
Chi phí bằng tiền khác	2.003.211.238	2.151.723.511
Cộng	34.857.111.333	59.094.088.170

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Lãnh đạo thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu nước ngoài và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch phải thu, thu nợ, vay, trả nợ gốc vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty nắm giữ cổ phiếu của các công ty con có cùng các rủi ro như Công ty. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Lãnh đạo cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

7.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.625.927.669	-	15.625.927.669
Phải thu khách hàng	6.136.774.876	-	6.136.774.876
Phải thu về cho vay	7.700.000.000	15.000.000.000	22.700.000.000
Đầu tư	5.000.000.000	132.250.000.000	137.250.000.000
Phải thu khác	8.415.585.503	404.060.520	8.819.646.023
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Cộng	42.878.288.048	147.654.060.520	190.532.348.568
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(703.295.411)	-	(703.295.411)
Tổng cộng	42.174.992.637	147.654.060.520	189.829.053.157
Tại 30/06/2021			
Phải trả người bán	1.426.362.197	-	1.426.362.197
Phải trả khác	5.631.681.776	15.531.389.855	21.163.071.631
Chi phí phải trả	27.865.951.630	-	27.865.951.630
Các khoản vay và nợ	85.779.318.702	-	85.779.318.702
Tổng cộng	120.703.314.305	15.531.389.855	136.234.704.160
Chênh lệch thanh khoản thuần	(78.528.321.668)	132.122.670.665	53.594.348.997
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.554.648.551	-	20.554.648.551
Phải thu khách hàng	5.333.295.448	-	5.333.295.448
Phải thu về cho vay	7.700.000.000	-	7.700.000.000
Đầu tư	-	132.250.000.000	132.250.000.000
Phải thu khác	9.395.986.545	404.060.520	9.800.047.065
Cộng	42.983.930.544	132.654.060.520	175.637.991.064
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(703.295.411)	-	(703.295.411)
Tổng cộng	42.280.635.133	132.654.060.520	174.934.695.653
Tại 01/01/2021			
Phải trả người bán	1.731.209.003	-	1.731.209.003
Phải trả khác	4.011.390.345	10.898.514.855	14.909.905.200
Chi phí phải trả	27.642.022.312	-	27.642.022.312
Các khoản vay và nợ	86.039.256.032	-	86.039.256.032
Tổng cộng	119.423.877.692	10.898.514.855	130.322.392.547
Chênh lệch thanh khoản thuần	(77.143.242.559)	121.755.545.665	44.612.303.106

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN**7.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.625.927.669	20.554.648.551	15.625.927.669	20.554.648.551
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.956.420.899	15.133.342.513	14.253.125.488	14.430.047.102
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	137.250.000.000	132.250.000.000	(*)	(*)
Các khoản phải thu về cho vay	22.700.000.000	7.700.000.000	22.700.000.000	7.700.000.000
Cộng	190.532.348.568	175.637.991.064	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.426.362.197	1.731.209.003	1.426.362.197	1.731.209.003
Phải trả khác	21.163.071.631	14.909.905.200	21.163.071.631	14.909.905.200
Các khoản vay và nợ	85.779.318.702	86.039.256.032	85.779.318.702	86.039.256.032
Cộng	108.368.752.530	102.680.370.235	108.368.752.530	102.680.370.235

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài Chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2021 và ngày 01/01/2021 Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN**7.2 Thông tin về các bên có liên quan*****Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH Heung-A Shipping Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Năng Tuyển	UV.HĐQT
Đào Nguyên Đăng	UV.HĐQT, KTT
Trần Bình Phú	Tổng giám đốc
Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ kế toán như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Nội dung VND</u>	<u>Số tiền VND</u>
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	Doanh thu cho thuê đất	819.370.129
	Bù trừ công nợ	375.482.482
	Chi hộ	160.542.274
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Doanh thu cho thuê đất	473.805.074
	Thu tiền	473.805.074
	Thu hộ	1.756.820.778

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

Ngoài các thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên, số dư tại ngày 30/06/2020 của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Đối tượng	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng		
Phải thu khách hàng	3.254.557.772	2.810.670.125
Phải trả khác	-	214.940.208
Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh		
Phải trả khác	2.023.436.718	266.615.940
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hà Nội		
Phải thu khác	-	1.440.000.000

Thu nhập của Ban lãnh đạo được hưởng trong kỳ kế toán:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay VND
Đào Nguyên Đăng	UV.HĐQT	120.875.500
Trần Bình Phú	Tổng giám đốc	204.019.466
Lê Văn Thành	Phó TGĐ	107.974.096
Tổng cộng		432.869.062

7.3 Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán và soát xét.

7.6 Tính hoạt động liên tục của Công ty

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mẫu số B09a- DN

7.7 Thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Nguyên Đặng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Bình Phú